

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/04/ 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Tâm

2. Bà Trương Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa – bà
Trương Thị Thanh- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về vụ việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V; Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn HQ, xã Đ Q , huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã ĐQ, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Bùi Thị V trình bày trình bày:

Chị V và anh H tự do tìm hiểu một thời gian khoảng 01 năm thì tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào tháng 12 năm 2011 nhưng không đi đăng ký kết hôn.

Sau khi lấy nhau sống bình thường được mấy năm. Từ năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về kinh tế.

Sau đó vợ chồng đi làm ăn mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Từ năm 2021 ly thân đến nay. Nay chị V không còn tình cảm với anh H và mong muốn ly hôn.

Về con chung: Chị V và anh H có 02 con chung là cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 lâu nay đang ở với chị V và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 hiện nay đang ở với anh H.

Khi ly hôn chị V có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu. Tự nguyện để anh H nuôi cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 cho đến tuổi thành niên. Chị V có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản: Chưa yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có

Chị V thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí ly hôn.

Bị đơn: Anh H công nhận anh và chị V tự nguyện lấy nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn và có hai con chung như chị V trình bày là đúng. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc. Từ năm 2021 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị V làm đơn ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị V có 02 con chung là cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 lâu nay đang ở với chị V và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 hiện nay đang ở với anh H.

Khi ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 cho đến tuổi thành niên và tự nguyện để chị V tiếp tục nuôi cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh H không trình bày gì khác.

Cháu Bùi Thị Gia B có nguyện vọng tiếp tục ở với bố là Bùi Văn H. Cháu Bùi B Trân có nguyện vọng ở với mẹ.

Biên bản xác minh tại UBND xã Điện Quang, huyện Bá Thước thì chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị đã ly thân. Hiện nay anh H đang nuôi cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 và chị V nuôi cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị V và anh H đều có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 14, 15, 58, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị V và anh H là vợ chồng. Giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 cho đến tuổi thành niên và giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về án phí chị V thuộc hộ cận nghèo đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Bùi Thị V theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết:

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Phiên tòa vắng mặt chị V và anh H đều có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 328 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, nhưng không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng HĐXX không công nhận quan hệ giữa chị V và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H có hai con chung. Khi ly hôn giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 cho đến tuổi thành niên và giao cho chị V tiếp tục nuôi cháu Bùi Thị B T sinh ngày 17/03/2012 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị V thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và các Điều 14; 15 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Bùi Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Các Điều 14; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; 15 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị V. Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H là vợ chồng.

3. Về con chung: Khi ly hôn anh Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/02/2015 cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị V tiếp tục nuôi

đưỡng cháu Bùi Thị B T, sinh ngày 17/03/2012 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị V được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- V kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Điện Quang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên